TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 13-03-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Ông Trần Văn Tám

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Như Muội - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Lâm Thị Phương M, sinh năm 1993; địa chỉ: số I N, phường R, tỉnh An Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Lưu Phúc T, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh An Giang (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2025, biên bản lấy lời khai ngày 14/01/2026 nguyên đơn chị Lê Lâm Thị Phương M trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T trên cơ sở yêu thương có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã V, tỉnh An Giang). Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, bất đồng ý kiến, tình cảm trở nên trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có 02 người con chung tên Lưu Gia K, sinh ngày 23/12/2015, giới tính nam và Lưu Ngọc Khánh N, sinh ngày 09/9/2019, giới tính nữ. Hiện các con đang sống cùng chị M, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng (cấp dưỡng mỗi con chung là 3.000.000 đồng/tháng), yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đến khi tròn 18 tuổi.

Tại phiên toà, chị M chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng là 01/4/2026 cấp dưỡng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn anh Lưu Phúc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị M về mối quan hệ hôn nhân vợ chồng trên cơ sở tự nguyện yêu thương tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải với nhau, không còn yêu thương nhau, vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm. Nay anh T thống nhất ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Lưu Gia K, sinh ngày 23/12/2015, giới tính nam và Lưu Ngọc Khánh N, sinh ngày 09/9/2019, giới tính nữ. Hiện các con đang sống cùng chị M, anh đồng ý giao 02 con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng anh T đồng ý theo yêu cầu của chị M tại phiên toà là thống nhất mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng anh T thực hiện bắt đầu từ ngày 01/4/2026 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng.

***Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu*:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Lâm Thị Phương M với anh Lưu Phúc T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu là Lưu Gia K, sinh ngày 23/12/2015, giới tính nam và Lưu Ngọc Khánh N, sinh ngày 09/9/2019, giới tính nữ cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng anh T thực hiện bắt đầu từ ngày 01/4/2026 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị M xin ly hôn với anh T, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, cấp dưỡng nuôi con nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung".

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị M và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V (nay là UBND xã V) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, bất đồng ý kiến, tình cảm trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn với chị M vì anh cho rằng vợ chồng không còn yêu thương nhau, mỗi người có cuộc sống riêng không tạo điều kiện cho nhau. Xét thấy, giữa chị M và anh T thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị M và anh T.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Chị M và anh T có 02 con chung là Lưu Gia K, sinh ngày 23/12/2015, giới tính nam và Lưu Ngọc Khánh N, sinh ngày 09/9/2019, giới tính nữ. Hiện các con đang sống cùng chị M, nguyện vọng 02 con chung đang sống với chị M. Tại phiên toà, anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, hiện tại chị M đang trực tiếp nuôi 02 con chung được đảm bảo nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thống nhất giao Lưu Gia Khang, sinh ngày 23/12/2015, giới tính nam và Lưu Ngọc Khánh N, sinh ngày 09/9/2019, giới tính

nữ cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng anh T thực hiện bắt đầu từ ngày 01/4/2026 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh chị xác định vợ chồng không yêu cầu về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng, chị M tự nguyện chịu 150.000 đồng.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh T là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82; Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Lê Lâm Thị Phương M và anh Lưu Phúc T.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Gia K, sinh ngày 23/12/2015, giới tính nam và Lưu Ngọc Khánh N, sinh ngày 09/9/2019, giới tính nữ cho chị Lê Lâm Thị Phương M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lưu Phúc T có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Buộc anh Lưu Phúc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng vào ngày 01 hàng

tháng, cấp dưỡng kể từ ngày 01/4/2026, cấp dưỡng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Lâm Thị Phương M tự nguyện chịu là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003488 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự An Giang; chị M được nhận lại số tiền án phí 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Lưu Phúc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Khu vực 6- An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 6 - An Giang;
- UBND xã Vĩnh Phong (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng